



anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
www.anvietcpa.com

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư xây dựng Sông Đà (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Đức Thành	Chủ tịch
Ông Vũ Đình Phung	Thành viên kiêm Tổng giám đốc
Ông Lê Duy Bình	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Công ty,



Vũ Đình Phung
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018

Số: 104/2018/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư xây dựng Sông Đà**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư xây dựng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 31/03/2018 và được trình bày từ trang số 05 đến trang số 24 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán Ngoại trừ

- Tại ngày 31/12/2017, số dư công nợ phải thu các đối tượng là khách hàng, các khoản ứng trước và phải thu khác là 29,5 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là các khoản nợ đã quá hạn thanh toán trên 3 năm. Do phần lớn các khoản công nợ không được xác nhận bởi các bên liên quan đến thời điểm kiểm toán nên mặc dù đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng chúng tôi không thể đánh giá được giá trị hợp lý cũng như khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu nói trên đang trình bày trên báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2017 cũng như ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu cần thiết) tới kết quả kinh doanh của công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đang được theo dõi là khoản mục hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 của Công ty là 8.028.380.340 đồng, bao gồm chi phí dở dang các công trình thi công phát sinh từ năm 2010 và đang làm thủ tục chờ quyết toán và chi phí dở dang của các dự án đầu tư bao gồm Dự án cải tạo chung cư A7 Ngọc Khánh, Dự án cải tạo nhà 148-150 Sơn Tây – Ba Đình, Hà Nội và Dự án cải tạo nhà 575/18 Kim Mã – Ba Đình, Hà Nội. Do các công trình và dự án tồn đọng quá lâu chưa được quyết toán nên chúng tôi không thể đánh giá được mức độ tồn thất của các khoản chi phí sản xuất kinh

doanh dờ dang đang theo dõi trên báo cáo tài chính đến ngày 31/12/2017 cũng như ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng tổn thất (nếu cần thiết) đến kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

- Công ty chưa thực hiện thủ tục đối chiếu các khoản nợ phải trả người bán tồn đọng và nợ phải trả đối tượng nhân viên của công ty cũng như các khoản phải trả khác tại thời điểm 01/01/2017 và 31/12/2017. Mặc dù chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán để làm cơ sở đánh giá tính hợp lý của các khoản mục phải trả này trên báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2017.
- Công ty chưa ghi nhận khoản phạt chậm nộp thuế theo thông báo của cơ quan thuế đến ngày 30/11/2017 với số tiền 5.757.987.304 đồng. Nếu Công ty ghi nhận đầy đủ khoản tiền phạt chậm nộp thuế nói trên, kết quả kinh doanh năm 2017 sẽ giảm đi với số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán Ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những vấn đề được nêu tại mục “Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ” trình bày trên đây, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư xây dựng Sông Đà tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.2 của thuyết minh báo cáo tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty năm 2017 tiếp tục khó khăn với số lỗ trong năm 2017 là 1,8 tỷ đồng dẫn tới lỗ lũy kế là 17,62 tỷ đồng, làm âm 70,5% vốn đầu tư của chủ sở hữu. Công ty hầu như không triển khai được các dự án mới, đồng thời Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu hồi công nợ quá hạn để có đủ nguồn tiền thanh toán cho các khoản nợ phải trả nhà cung cấp, tiền lương của người lao động và nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước. Mặc dù vậy, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đang rất nỗ lực để duy trì hoạt động liên tục của Công ty thông qua việc sớm đàm phán ký kết các hợp đồng với chủ đầu tư (dự kiến giá trị các hợp đồng khoảng 26 tỷ đồng), làm việc với cơ quan thuế để có giải pháp hỗ trợ giãn thời hạn nộp thuế, đơn đốc thu hồi công nợ cũng như sớm quyết toán các hạng mục công trình tồn đọng và do đó tin tưởng rằng báo cáo tài chính của Công ty được lập trên giả thiết hoạt động liên tục là phù hợp. Báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào do ảnh hưởng của vấn đề không chắc chắn nêu trên.

Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác. Tại báo cáo kiểm toán số 1279/2017/BC.KTTC-AASC.KT7 ngày 31/03/2017, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc Công ty chưa đối chiếu, xác nhận đầy đủ công nợ phải thu khách hàng, vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính năm nay.



Nguyễn Thương
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0308-2018-055-1

Ngô Việt Thanh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1687-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42.270.927.475	46.950.431.999
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	275.258.117	173.406.280
1. Tiền	111		275.258.117	173.406.280
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	42.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	42.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.459.022.890	32.546.474.101
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	10.734.321.917	10.336.633.685
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.334.246.864	3.194.746.864
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	19.390.454.109	19.015.093.552
IV. Hàng tồn kho	140	8	8.028.380.340	13.680.701.089
1. Hàng tồn kho	141		8.028.380.340	13.680.701.089
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		508.266.128	507.850.529
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		508.266.128	507.850.529
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		189.353.088	619.363.177
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		41.469.000	41.469.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	41.469.000	41.469.000
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	-	-
- Nguyên giá	222		803.547.091	803.547.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(803.547.091)	(803.547.091)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		145.000.000	300.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		145.000.000	300.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.884.088	277.894.177
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.884.088	277.894.177
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		42.460.280.563	47.569.795.176

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		35.079.700.614	38.364.501.720
I. Nợ ngắn hạn	310		35.079.700.614	38.364.501.720
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	14.105.176.370	14.463.822.765
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.767.256.833	7.839.189.764
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	4.545.912.031	3.871.636.889
4. Phải trả người lao động	314		1.192.269.906	637.468.256
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	5.524.661.718	4.140.548.783
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	4.875.220.800	4.508.323.974
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	3.069.202.956	2.903.511.289
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7.380.579.949	9.205.293.456
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	7.380.579.949	9.205.293.456
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(17.619.420.051)	(15.794.706.544)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(15.794.706.544)	(8.669.900.322)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.824.713.507)	(7.124.806.222)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		42.460.280.563	47.569.795.176

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

(Signature)

(Signature)



Đoàn Thu Thảo

Lê Thị Kim Oanh

Vũ Đình Phung

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MẪU SỐ B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	7.499.354.298	13.634.798.379
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.499.354.298	13.634.798.379
4. Giá vốn hàng bán	11	19	6.783.162.421	17.387.599.911
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		716.191.877	(3.752.801.532)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.706.491	24.159.309
7. Chi phí tài chính	22		545.500.720	525.339.214
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		545.500.720	525.339.214
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	1.817.783.559	2.665.326.630
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.644.385.911)	(6.919.308.067)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		180.327.596	205.498.155
13. Lợi nhuận khác	40		(180.327.596)	(205.498.155)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.824.713.507)	(7.124.806.222)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.824.713.507)	(7.124.806.222)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	(730)	(2.850)

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018

Người lập



Đoàn Thu hiền

Phụ trách kế toán



Lê Thị Kim Oanh

Tổng Giám đốc



Vũ Đình Phung

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MÃ SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.824.713.507)	(7.124.806.222)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(139.624)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.706.491)	(4.600.951)
- Chi phí lãi vay	06	545.500.720	525.339.214
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.281.919.278)	(6.604.207.583)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(912.964.388)	(1.040.560.907)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5.652.320.749	9.326.034.176
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.977.505.437)	(2.467.003.464)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	275.010.089	271.226.657
- Tiền lãi vay đã trả	14	(18.488.056)	(19.638.889)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(263.546.321)	(534.150.010)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(42.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	42.000.000	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	155.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.706.491	4.600.951
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	199.706.491	(37.399.049)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	310.000.000	300.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(144.308.333)	(1.010.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	165.691.667	(710.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	101.851.837	(1.281.549.059)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	173.406.280	1.454.815.715
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	139.624
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	275.258.117	173.406.280

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018

Người lập



Đào Thu Hiền

Phụ trách kế toán



Lê Thị Kim Oanh

Tổng Giám đốc



Vũ Đình Phung

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư xây dựng Sông Đà, viết tắt là Song Da ICF.,JSC tiền thân là Công ty Cổ phần Thiết bị kỹ thuật và Đầu tư Hùng Vương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101179547 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/07/2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16/10/2015. Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là 50.000.000.000 đồng chia làm 5.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2017 các cổ đông đã góp được 25.000.000.000 đồng, tương ứng với 2.500.000 cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán UpCom với mã cổ phiếu là SDX.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 5, Tòa nhà CT1 – Vimenco, Trần Duy Hưng, Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thiết kế thiết bị điện tử phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ;
- Cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành, bảo trì thiết bị phòng cháy, chữa cháy và thiết bị bảo vệ;
- Buôn bán thiết bị phòng cháy, chữa cháy và thiết bị bảo vệ.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4. Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm 31/12/2017, cơ cấu của Công ty bao gồm Văn phòng Công ty và Chi nhánh Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư xây dựng Sông Đà tại Hà Nam, địa chỉ tại số 286 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4.2. Đánh giá về khả năng hoạt động liên tục

Kết quả kinh doanh của Công ty năm 2017 tiếp tục khó khăn với số lỗ trong năm 2017 là 1,8 tỷ đồng dẫn tới lỗ lũy kế là 17,62 tỷ đồng, làm âm khoảng 70,5% vốn đầu tư của chủ sở hữu. Công ty hầu như không triển khai được các dự án mới, đồng thời Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu hồi công nợ quá hạn để có đủ nguồn tiền thanh toán cho các khoản nợ phải trả nhà cung cấp, tiền lương của người lao động và nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước. Mặc dù vậy, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đang rất nỗ lực để duy trì hoạt động liên tục của Công ty thông qua việc sớm đàm phán ký kết các hợp đồng với chủ đầu tư (dự kiến giá trị các hợp đồng khoảng 26 tỷ đồng), làm việc với cơ quan thuế để có giải pháp hỗ trợ giãn thời hạn nộp thuế, đơn đốc thu hồi công nợ cũng như sớm quyết toán các hạng mục công trình tồn đọng. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng báo cáo tài chính của Công ty được lập trên giả thiết hoạt động liên tục là phù hợp.

4.3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Chuyển đổi ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Văn phòng Công ty và Chi nhánh tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.6. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí cho các hoạt động thi công nhưng chưa hoàn thành nghiệm thu thanh toán và chi phí phát sinh cho các dự án đầu tư của Công ty tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Tại thời điểm 31/12/2017 TSCĐ của Công ty là phương tiện vận tải đã hết khấu hao.

4.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.10. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay ngân hàng thương mại và vay cá nhân.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.11. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán về Hợp đồng xây dựng (được trình bày chi tiết dưới đây):

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm Lãi tiền gửi, tiền cho vay. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng.

4.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay như phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay (chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

4.13. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	166.843.711	23.535.324
Tiền gửi ngân hàng	108.414.406	149.870.956
Cộng	<u>275.258.117</u>	<u>173.406.280</u>

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Công ty TNHH ĐTXD và phát triển Xuân Thành	6.128.011.338	6.128.011.338
Tổng công ty truyền thông đa phương tiện VTC	1.824.476.980	1.824.476.980
Tổng Công ty Sông Đà	526.315.749	257.042.000
Công ty CP ĐTXD và Phát triển đô thị Sông Đà	407.426.143	407.426.143
Phải thu khách hàng khác	1.848.091.707	1.719.677.224
Cộng	<u>10.734.321.917</u>	<u>10.336.633.685</u>

Trong đó, Tổng Công ty Sông Đà và Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển đô thị Sông Đà là bên liên quan của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	19.390.454.109	-	19.015.093.552	-
Ông Lê Anh Hùng theo hợp đồng giao khoán	2.379.378.585	-	2.379.378.585	-
Ông Trần Quốc Tuấn - Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng công trình giao thông (cũ)	1.226.726.237	-	1.226.726.237	-
BHXH của các nhân viên đã nghỉ việc	108.641.004	-	108.641.004	-
Tạm ứng của các CBNV đã chuyển công tác	9.278.641.008	-	9.278.641.008	-
Ông Nguyễn Duy Hải - Giám đốc Xí nghiệp PCCC (cũ)	737.257.164	-	737.257.164	-
Tạm ứng	5.570.805.391	-	5.231.250.189	-
Phải thu khác	89.004.720	-	53.199.365	-
Dài hạn	41.469.000	-	41.469.000	-
Ký cược, ký quỹ	41.469.000	-	41.469.000	-
Cộng	19.431.923.109	-	19.056.562.552	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.028.380.340	-	13.680.701.089	-
- Chi phí dở dang của các công trình thi công	3.410.654.669	-	9.139.690.538	-
- Chi phí dở dang của các dự án đầu tư	4.617.725.671	-	4.541.010.551	-
Cộng	8.028.380.340	-	13.680.701.089	-

Chi phí dở dang các công trình thi công phát sinh từ năm 2010 và đang làm thủ tục chờ quyết toán. Ban Giám đốc Công ty đang tiếp tục làm việc với chủ đầu tư các công trình để được xác nhận, nghiệm thu giá trị xây lắp dở dang của các công trình này.

Chi phí dở dang của các dự án đầu tư bao gồm Dự án cải tạo chung cư A7 Ngọc Khánh, Dự án cải tạo nhà 148-150 Sơn Tây – Ba Đình, Hà nội và Dự án cải tạo nhà 575/18 Kim Mã – Ba Đình, Hà nội đang tạm dừng triển khai do thay đổi chủ trương của UBND Thành phố Hà Nội. Công ty đang tiếp tục theo dõi và làm việc với cơ quan chức năng và các bên liên quan để có thể tiếp tục triển khai dự án và thu hồi các khoản chi phí đã đầu tư.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình của Công ty là xe ô tô có nguyên giá là 803.547.091 đồng, đây là tài sản hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

10. NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
	Năm	VND	Năm	VND
Phải thu khách hàng				
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển Xuân Thành	Trên 3 năm	9.133.226.172	Trên 3 năm	9.254.875.317
Tổng công ty truyền thông đa phương tiện VTC	Từ 2 - 3 năm	6.128.011.338	Từ 1 - 2 năm	6.128.011.338
Các đối tượng khác		1.824.476.980		1.824.476.980
		1.180.737.854		1.302.386.999
Phải thu khác		13.730.435.043		13.730.435.043
Ông Trần Quốc Tuấn - Giám đốc Xí nghiệp XD CT giao thông (cũ)	Trên 3 năm	1.226.726.237	Trên 3 năm	1.226.726.237
Ông Nguyễn Duy Hải - Giám đốc Xí nghiệp PCCC (cũ)	Trên 3 năm	737.257.164	Trên 3 năm	737.257.164
Ông Lê Anh Hùng	Trên 3 năm	2.379.378.585	Trên 3 năm	2.379.378.585
Ông Nguyễn Doan Hùng	Trên 3 năm	1.556.066.000	Trên 3 năm	1.556.066.000
Ông Lê Hải Hoàng	Trên 3 năm	1.509.650.000	Trên 3 năm	1.509.650.000
Các đối tượng khác		6.321.357.057		6.321.357.057
Tạm ứng		3.968.137.989		2.715.548.139
Vũ Đình Phùng	Trên 3 năm	778.397.000	Trên 3 năm	781.397.000
Các đối tượng khác		3.189.740.989		1.934.151.139
Trả trước cho người bán		2.695.445.256		2.695.445.256
Công ty Cổ phần Công nghệ An toàn Việt Nam	Trên 3 năm	891.404.258	Từ 2 - 3 năm	891.404.258
Các đối tượng khác		1.804.040.998		1.804.040.998
Cộng		29.527.244.460		28.396.303.755

Tại ngày 31/12/2017 Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng phải thu khó đòi của các khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty CP Phúc Châu An	1.082.946.932	1.082.946.932	1.082.946.932	1.082.946.932
Công ty TNHH Tân Viễn Cảnh	3.231.723.341	3.231.723.341	3.231.723.341	3.231.723.341
Công ty CP Nam Dương	1.847.626.130	1.847.626.130	1.847.626.130	1.847.626.130
Công ty CP công nghệ An toàn Việt Nam	1.779.106.238	1.779.106.238	1.779.106.238	1.779.106.238
Công ty TNHH PCCC Vạn Xuân	1.021.574.890	1.021.574.890	1.021.574.890	1.021.574.890
Công ty TNHH MTV cơ giới Xanh - Việt Sinh	1.569.846.661	1.569.846.661	1.733.989.066	1.733.989.066
Tổng Công ty Sông Đà	295.268.312	295.268.312	305.857.200	305.857.200
Phải trả cho các đối tượng khác	3.277.083.866	3.277.083.866	3.460.998.968	3.460.998.968
Cộng	14.105.176.370	14.105.176.370	14.463.822.765	14.463.822.765
Trong đó số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty CP Phúc Châu An	1.082.946.932	1.082.946.932	1.082.946.932	1.082.946.932
Công ty TNHH Tân Viễn Cảnh	3.231.723.341	3.231.723.341	3.231.723.341	3.231.723.341
Công ty CP Nam Dương	1.847.626.130	1.847.626.130	1.847.626.130	1.847.626.130
Công ty CP công nghệ An toàn Việt Nam	1.779.106.238	1.779.106.238	1.779.106.238	1.779.106.238
Công ty TNHH PCCC Vạn Xuân	1.021.574.890	1.021.574.890	1.021.574.890	1.021.574.890
Phải trả cho các đối tượng khác	3.095.717.380	3.095.717.380	3.095.717.380	3.095.717.380
Cộng	12.058.694.911	12.058.694.911	12.058.694.911	12.058.694.911

Trong đó Tổng Công ty Sông Đà là bên liên quan của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình (1)	349.904.345	349.904.345	-	-
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà (2)	2.053.606.944	2.053.606.944	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà Hòa Bình (3)	300.000.000	300.000.000	-	100.000.000
Vay cá nhân	200.000.000	200.000.000	310.000.000	44.308.333
- Ông Vũ Đình Phung (4)	200.000.000	200.000.000	-	-
- Bà Nguyễn Thị Thơm (5)	-	-	310.000.000	44.308.333
Cộng	2.903.511.289	2.903.511.289	310.000.000	144.308.333
				3.069.202.956
				3.069.202.956

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 552.14.011.422373.TD ngày 10/09/2014 với ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình; hạn mức cho vay 1.500.000.000 đồng; mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất cho vay áp dụng thả nổi có điều chỉnh, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phương thức bảo đảm bằng Quyền đòi nợ Hợp đồng số 36/2014/HĐXL/HG-SDICF ký ngày 11/08/2014. Tại thời điểm 31/12/2017, khoản vay đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được gia hạn nợ.
- (2) Hợp đồng tín dụng ngân hạn theo món số 00200037/002/14/NH/HĐTD ngày 19/05/2014 với Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà (SDFC) (bên liên quan của Công ty); số tiền tối đa cho vay là 1.000.000.000 đồng; mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất cho vay áp dụng cho kỳ hạn đầu tiên là 13%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phương thức bảo đảm là hợp đồng tiền gửi số 190514/HDTG/SDFC-PCCC ngày 19/05/2015 số tiền 200.000.000 đồng và quyền đòi nợ của Công ty tại Dự án xây dựng nhà điều trị nội khoa Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 821.350.000 đồng, khoản vay đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được gia hạn nợ.
- Hợp đồng tín dụng ngân hạn theo món số 00200037/013/14/NH/HĐTD ngày 05/11/2014 với Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà; số tiền tối đa cho vay là 1.500.000.000 đồng; mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất cho vay áp dụng cho kỳ hạn đầu tiên là 13%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phương thức bảo đảm là hợp đồng tiền gửi tại SDFC số tiền 250.000.000 đồng và quyền đòi nợ bao gồm quyền đòi nợ trong tương lai Hợp đồng kinh tế số 16/2010/HĐ-KT/VTC-SDICF ngày 17/11/2010 giữa BQL dự án xây dựng Trụ sở đài truyền hình kỹ thuật số VTC và Công ty và các phụ lục kèm theo hợp đồng. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 1.232.256.944 đồng, khoản vay đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được gia hạn nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- (3) Hợp đồng vay vốn số 01/2016/HĐVV-ICF ngày 25/03/2016 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà Hòa Bình; số tiền cho vay 500.000.000 đồng; thời hạn cho vay từ thời điểm giải ngân đến ngày 31/12/2016; lãi suất cho vay 9%/năm; phương thức bảo đảm là nguồn thu từ đơn hàng số 450003719 ký ngày 09/06/2015 giữa Công ty với Andritz Hydro Private Limited. Tại thời điểm 31/12/2017, khoản vay đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được gia hạn nợ.
- (4) Hợp đồng vay vốn số 01/2015/HĐVV-ICF ngày 26/05/2015 với Ông Vũ Đình Phung (Tổng Giám đốc - Bên liên quan của Công ty); số tiền cho vay: 200.000.000 đồng; thời hạn cho vay 9 tháng kể từ ngày nhận được tiền vay; lãi suất cho vay: 11%/năm; khoản vay không có tài sản đảm bảo. Tại thời điểm 31/12/2017, khoản vay đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được gia hạn nợ.
- (5) Hợp đồng vay vốn số 01/2017/HĐVV-ICF ngày 05/01/2017 với Bà Nguyễn Thị Thơm; số tiền cho vay 310.000.000 đồng; thời hạn cho vay 3 tháng kể từ ngày nhận được tiền vay; lãi suất cho vay 10%/năm; khoản vay không có tài sản đảm bảo. Tại thời điểm 31/12/2017, khoản vay đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được gia hạn nợ.

Số gốc vay, lãi vay đến/quá hạn chưa thanh toán

	01/01/2017		31/12/2017	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	349.904.345	160.875.786	349.904.345	217.281.195
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	2.053.606.944	705.746.153	2.053.606.944	1.111.761.359
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà Hòa Bình	-	-	200.000.000	34.725.000
Ông Vũ Đình Phung	-	-	200.000.000	63.311.111
Bà Nguyễn Thị Thơm	-	-	265.691.667	18.083.715
Cộng	2.403.511.289	866.621.939	3.069.202.956	1.445.162.380

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.816.188.587	708.997.287	40.938.401	2.484.247.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.960.362.120	-	-	1.960.362.120
Thuế thu nhập cá nhân	95.086.182	8.392.786	2.176.530	101.302.438
Thuế khác	-	21.500.000	21.500.000	-
Cộng	3.871.636.889	738.890.073	64.614.931	4.545.912.031

Toàn bộ số thuế phải nộp tại 31/12/2017 đã quá hạn nộp thuế. Số thuế phạt chậm nộp theo thông báo của Cơ quan Thuế đến ngày 30/11/2017 là 5.757.987.304 đồng, Công ty chưa ghi nhận số thuế phạt chậm nộp này vào kết quả kinh doanh trong năm 2017.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thù lao HĐQT, BKS	161.000.000	197.256.000
Lãi vay phải trả	1.445.162.381	918.149.717
Trích trước các chi phí công trình	3.918.499.337	3.025.143.066
Cộng	5.524.661.718	4.140.548.783

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong đó số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Thù lao HĐQT, BKS	161.000.000	197.256.000
Lãi vay phải trả	1.445.162.381	918.149.717

15. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	15.936.394	7.269.462
Bảo hiểm xã hội	1.763.302.649	1.469.307.814
Bảo hiểm y tế	282.536.531	255.784.511
Bảo hiểm thất nghiệp	123.394.221	111.390.545
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.690.051.005	2.664.571.642
Cộng	4.875.220.800	4.508.323.974

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong đó số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Bảo hiểm xã hội	1.763.302.649	1.469.307.814
Bảo hiểm y tế	282.536.531	255.784.511
Bảo hiểm thất nghiệp	123.394.221	111.390.545

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	25.000.000.000	(8.669.900.322)	16.330.099.678
Lỗi trong năm	-	(7.124.806.222)	(7.124.806.222)
Tại ngày 01/01/2017	25.000.000.000	(15.794.706.544)	9.205.293.456
Lỗi trong năm	-	(1.824.713.507)	(1.824.713.507)
Tại ngày 31/12/2017	25.000.000.000	(17.619.420.051)	7.380.579.949

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017	Tỷ lệ vốn góp
	VND	VND	
Tổng Công ty Sông Đà	12.750.000.000	12.750.000.000	51,00%
Ông Lê Anh Hùng	2.165.000.000	2.165.000.000	8,66%
Ông Phạm Hoài Nam	1.400.000.000	1.400.000.000	5,60%
Ông Nguyễn Mạnh Cường	1.270.000.000	1.270.000.000	5,08%
Các cổ đông khác	7.415.000.000	7.415.000.000	29,66%
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000	100%

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 50.000.000.000 đồng, tại thời điểm 31/12/2017 Công ty chưa góp đủ vốn điều lệ.

Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2017	01/01/2017
Đô la Mỹ (USD)	4.100,00	5.448,56

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	7.499.354.298	13.634.798.379
Cộng	<u>7.499.354.298</u>	<u>13.634.798.379</u>

Doanh thu với các bên liên quan

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Tổng công ty Sông Đà	1.576.053.165	1.389.587.100

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	6.783.162.421	17.387.599.911
Cộng	<u>6.783.162.421</u>	<u>17.387.599.911</u>

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	1.196.824.086	1.745.393.567
Chi phí vật liệu quản lý	89.483.739	74.259.310
Thuế, phí và lệ phí	6.619.495	11.349.343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	523.123.739	791.235.923
Chi phí khác bằng tiền	1.732.500	43.088.487
Cộng	<u>1.817.783.559</u>	<u>2.665.326.630</u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	880.006.439	6.108.392.925
Chi phí nhân công	1.494.957.781	3.072.266.261
Chi phí dịch vụ mua ngoài	542.256.920	1.488.226.232
Chi phí khác bằng tiền	68.276.156	85.102.937
Cộng	<u>2.985.497.296</u>	<u>10.753.988.355</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(1.824.713.507)	(7.124.806.222)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	-	59.422.800
<i>Cộng: Lãi vay tương ứng vốn điều lệ góp thiếu</i>	545.500.720	525.339.214
<i>Cộng: Các khoản phạt hành chính khác</i>	175.184.037	205.494.113
Thu nhập chịu thuế	(1.104.028.750)	(6.334.550.095)
Thuế suất	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.824.713.507)	(7.124.806.222)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.824.713.507)	(7.124.806.222)
Trừ: số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(730)	(2.850)

24. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty có các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	Cùng thuộc Tổng công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Cùng thuộc Tổng công ty

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng Công ty Sông Đà		
Chi phí thuê văn phòng và dịch vụ khác	275.787.556	311.848.200
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà		
Lãi vay	406.015.206	407.127.577
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc	150.096.781	823.697.788

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2018

Người lập



Tran Phu Hien

Phụ trách kế toán



Lê Thị Kim Oanh

Tổng Giám đốc



Vũ Đình Phung